

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**  
**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**  
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020**

# MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến thứ 20 ngày 30/10/2020, được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 20/05/2020 theo Quyết định số 262/QĐ-SGDHN ngày 14/05/2020 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ đăng ký 128.070.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2020 128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

#### Hội Đồng Quản Trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Đặng Việt Hùng	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Trí	Phó Tổng Giám đốc

#### Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Triều	Thành viên

### CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 (Bao gồm việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ).

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

- Kết quả kinh doanh năm 2020 lỗ: (5.131.504.936) đồng.
- Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 là: (86.898.347.988) đồng.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 19 tháng 01 năm 2021

Số: 305/2020/DFK-BCKiT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán các Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản, được lập ngày 19 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

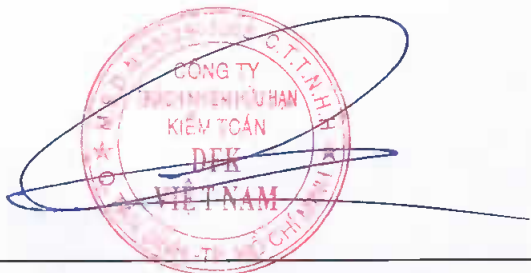
### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 03 năm 2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM**



---

**Nguyễn Lương Nhân – Tổng Giám đốc**  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán 0182-2018-042-1

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Lê Đình Huyền".

---

**Lê Đình Huyền – Kiểm toán viên**  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán 1756-2018-042-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>198.813.687.899</b>	<b>237.188.078.637</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.01</i>	<i>56.484.536</i>	<i>221.127.175</i>
1. Tiền	111		56.484.536	221.127.175
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.2.1</i>	<i>139.627.800</i>	<i>129.715.950</i>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(391.372.200)	(401.284.050)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>14.697.725.535</i>	<i>19.301.881.877</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.432.671.131	24.371.153.150
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.896.411.516	3.395.189.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	5.545.544.888	3.565.232.282
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(2.176.902.000)	(12.029.692.755)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.07</i>	<i>179.562.206.156</i>	<i>211.891.426.789</i>
1. Hàng tồn kho	141		195.614.910.205	227.098.639.518
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.052.704.049)	(15.207.212.729)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>4.357.643.872</i>	<i>5.643.926.846</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	144.154.516	59.965.334
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.213.489.356	5.583.961.512
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>48.874.597.361</b>	<b>52.337.426.634</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>457.850.547</i>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	-	920.342.310
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(462.491.763)
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>26.980.768.596</i>	<i>28.455.837.153</i>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	18.258.824.656	19.138.824.451
- Nguyên giá	222		121.814.477.829	120.720.250.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.555.653.173)	(101.581.425.778)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.09	8.721.943.940	9.317.012.702
- Nguyên giá	228		15.210.878.493	15.210.878.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.488.934.553)	(5.893.865.791)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.2.2</i>	<i>20.825.210.464</i>	<i>21.269.598.977</i>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.992.000.000	14.992.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.219.425.650	22.219.425.650
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.386.215.186)	(15.941.826.673)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>1.068.618.301</i>	<i>2.154.139.957</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.068.618.301	2.154.139.957
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>247.688.285.260</b>	<b>289.525.505.271</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>161.139.357.780</b>	<b>197.845.072.855</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>103.142.558.096</i>	<i>145.773.265.091</i>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	54.588.392.404	85.091.656.797
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.319.467.816	1.922.026.876
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	488.239.580	452.220.893
4. Phải trả người lao động	314		1.072.713.208	154.483.983
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	785.000.000	600.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.1	7.511.495.088	4.039.297.494
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.1	31.509.125.845	47.402.007.032
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	5.868.124.155	6.111.572.016
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>57.996.799.684</i>	<i>52.071.807.764</i>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.2	45.864.214.514	45.851.807.764
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.2	12.132.585.170	6.220.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>86.548.927.480</b>	<b>91.680.432.416</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.19</i>	<i>86.548.927.480</i>	<i>91.680.432.416</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	128.070.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.221.178.468	21.221.178.468
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(86.898.347.988)	(81.766.843.052)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(81.766.843.052)	(71.689.773.565)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.131.504.936)	(10.077.069.487)
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>430</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>247.688.285.260</b>	<b>289.525.505.271</b>



**PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG**  
 Người lập  
 Ngày 19 tháng 01 năm 2021



**PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG**  
 Quyền Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ KIM XUÂN**  
 Người đại diện pháp luật



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

**MẪU B 02-DN****Đơn vị tính: VNĐ**

<b>TT CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>102,817,267,247</b>	<b>118,756,319,255</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		1,863,114,997	112,176,000
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.01	<b>100,954,152,250</b>	<b>118,644,143,255</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	88,606,297,117	103,523,111,559
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>12,347,855,133</b>	<b>15,121,031,696</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	832,511,238	325,872,568
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	3,637,482,908	3,309,092,645
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,645,197,962	3,202,338,704
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	2,824,416,255	5,904,448,507
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	12,569,146,764	15,979,362,285
<b>10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(5,850,679,556)</b>	<b>(9,745,999,173)</b>
11. Thu nhập khác	31		841,590,919	145,905,245
12. Chi phí khác	32		122,416,299	476,975,559
<b>13. Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	40	VI.07	<b>719,174,620</b>	<b>(331,070,314)</b>
<b>14. Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	50		<b>(5,131,504,936)</b>	<b>(10,077,069,487)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>(5,131,504,936)</b>	<b>(10,077,069,487)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	(401)	(787)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(401)	(787)



**PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG**  
 Người lập  
 Ngày 19 tháng 01 năm 2021



**PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG**  
 Quyền Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ KIM XUÂN**  
 Người đại diện pháp luật

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị tính: VNĐ

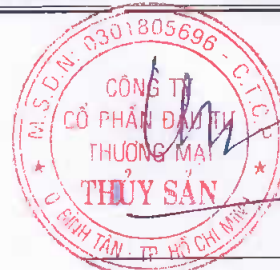
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lỗ trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(5.131.504.936)</b>	<b>(10.077.069.487)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.569.296.157	2.629.410.511
Các khoản dự phòng	03	1.897.258.261	282.973.756
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(250.192.320)	89.971.088
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(318.590)	(836.553)
Chi phí lãi vay	06	2.645.197.962	3.202.338.704
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.729.736.534</b>	<b>(3.873.211.982)</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	5.815.188.767	(6.268.883.591)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	31.483.729.313	(47.964.572.525)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(27.326.006.477)	65.019.754.566
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.001.332.474	920.755.647
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.645.197.962)	(3.202.338.704)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(243.447.861)	(68.696.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.815.334.788</b>	<b>4.562.807.412</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	318.590	836.553
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>318.590</b>	<b>836.553</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	50.138.498.977	89.782.674.628
Tiền trả nợ gốc vay	34	(60.118.794.994)	(94.273.136.823)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.980.296.017)</b>	<b>(4.490.462.195)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(164.642.639)</b>	<b>73.181.770</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	221.127.175	147.945.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>56.484.536</b>	<b>221.127.175</b>



**PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG**  
Người lập  
Ngày 19 tháng 01 năm 2021



**PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG**  
Quyên Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ KIM XUÂN**  
Người đại diện pháp luật

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2020**

### **I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 20 ngày 30/10/2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 20/05/2020 theo Quyết định số 262/QĐ-SGDHN ngày 14/05/2020 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ đăng ký 128.070.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2020 128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.**

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- ✓ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:
- ✓ Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- ✓ Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá, thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- ✓ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- ✓ Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- ✓ Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- ✓ Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- ✓ Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- ✓ Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- ✓ Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- ✓ Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- ✓ Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- ✓ Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- ✓ Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- ✓ Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- ✓ Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- ✓ Mua bán xe ô tô ,xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

### **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Cơ sở của kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

#### **2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **IV. Các chính sách, nguyên tắc kế toán áp dụng**

#### **1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

##### **- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng**

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

##### **- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

## **2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

### **Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính**

*Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:* Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh;

*Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:* Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư tài chính.

## **3- Nguyên tắc ghi nhận Các khoản phải thu**

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

*Dự phòng nợ phải thu khó đòi:* các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

### 4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

#### - Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### - Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: bình quân gia quyền.

#### - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### - Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 5- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

#### - Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

### 6- Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến nhiều năm tài chính sẽ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**Phân loại:**

- *Chi phí trả trước ngắn hạn:* Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- *Chi phí trả trước dài hạn:* Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

**7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**9- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### **10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

### **11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối***

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển*: Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi*: Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành-vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



### **Thu nhập khác**

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

### **13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

### **14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **15- Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng**

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **16- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý**

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **17- Chi phí khác**

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**18- Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

**19- Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

**21- Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

**22- Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	1.015.411	4.102.616
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.469.125	217.024.559
<b>Cộng</b>	<b><u>56.484.536</u></b>	<b><u>221.127.175</u></b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc <u>VNĐ</u>	Giá trị hợp lý <u>VNĐ</u>	Dự phòng <u>VNĐ</u>	Giá gốc <u>VNĐ</u>	Giá trị hợp lý <u>VNĐ</u>	Dự phòng <u>VNĐ</u>
Chứng khoán kinh doanh	531.000.000	139.627.800	391.372.200	531.000.000	129.715.950	401.284.050
<b>Cộng</b>	<b><u>531.000.000</u></b>	<b><u>139.627.800</u></b>	<b><u>391.372.200</u></b>	<b><u>531.000.000</u></b>	<b><u>129.715.950</u></b>	<b><u>401.284.050</u></b>

Khoản đầu tư mua 8.619 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2020, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

**2.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc <u>ngàn VNĐ</u>	Giá trị hợp lý <u>ngàn VNĐ</u>	Dự phòng <u>ngàn VNĐ</u>	Giá gốc <u>ngàn VNĐ</u>	Giá trị hợp lý <u>ngàn VNĐ</u>	Dự phòng <u>ngàn VNĐ</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	14.992.000	-	1.499.200	14.992.000	-	1.499.200
Đầu tư vào đơn vị khác	22.219.426	-	14.887.015	22.219.426	-	14.442.627
<b>Cộng</b>	<b><u>37.211.426</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>16.386.215</u></b>	<b><u>37.211.426</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>15.941.827</u></b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tại ngày 31/12/2020, Công ty tạm tính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dựa trên ước tính của Ban Giám đốc về mức độ suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**2.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	14.992.000.000	14.992.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.992.000.000</b>	<b>14.992.000.000</b>

Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2020 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng tương đương 49%.

**2.2.2 Đầu tư dài hạn khác**

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga	22.219.425.650	22.219.425.650
<b>Cộng</b>	<b>22.219.425.650</b>	<b>22.219.425.650</b>

Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304133361 ngày 05/07/2012 với số vốn góp tại ngày 31/12/2020 là 22.219.425.650 đồng, tương đương tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga. Mục đích đầu tư nhằm xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM.

**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>7.432.671.131</b>	<b>24.371.153.150</b>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>7.432.671.131</i>	<i>24.371.153.150</i>
- Dragon Sourcing Group Limited	-	9.087.663.520
- Kim Distri	-	3.243.126.094
- Ze Hui Co., Ltd	2.736.615.328	1.691.062.229
- Paris Store S.A	2.090.909.985	2.759.778.912
- Công ty TNHH Thực phẩm Xanh Đồng Tháp	770.679.190	1.038.396.490
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.834.466.628	6.551.125.905
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>7.432.671.131</b>	<b>24.371.153.150</b>

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH THS Minh Phương	3.109.860.000	3.109.860.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	786.551.516	285.329.200
<b>Cộng</b>	<b><u>3.896.411.516</u></b>	<b><u>3.395.189.200</u></b>

**5. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị <u>VNĐ</u>	Dự phòng <u>VNĐ</u>	Giá trị <u>VNĐ</u>	Dự phòng <u>VNĐ</u>
<b>5.1 Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>5.545.544.888</b>	-	<b>3.565.232.282</b>	-
<i>Phải thu từ đối tượng khác</i>	5.545.544.888	-	3.565.232.282	-
<i>Thuế GTGT đầu vào chờ hoàn</i>	3.133.638.426	-	404.545.329	-
<i>Tạm ứng</i>	1.841.850.543	-	2.065.219.228	-
<i>Phải thu khác</i>	570.055.919	-	1.095.467.725	-
<b>5.2 Phải thu khác dài hạn</b>	-	-	<b>920.342.310</b>	<b>(462.491.763)</b>
<i>Phải thu từ đối tượng khác</i>	-	-	920.342.310	(462.491.763)
<b>Cộng</b>	<b><u>5.545.544.888</u></b>	<b>-</b>	<b><u>4.485.574.592</u></b>	<b><u>(462.491.763)</u></b>

**6. NỢ XẤU**

	31/12/2020		01/01/2020			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc <u>VNĐ</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VNĐ</u>	Thời gian quá hạn	Giá gốc <u>VNĐ</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VNĐ</u>
<i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi</i>						
Golden sea		-	-	Trên 3 năm	402.022.575	-
ICF US		-	-	Trên 3 năm	462.491.763	-
Golden Harvest Seafood		-	-	Trên 3 năm	985.076.659	-
Dragon sourcing		-	-	Trên 3 năm	9.087.663.520	-
Công ty TNHH Minh Phương	Dưới 3 năm	3.109.860.000	-	Dưới 2 năm	3.109.860.000	-
<b>Cộng</b>		<b><u>3.109.860.000</u></b>	<b>-</b>		<b><u>14.047.114.517</u></b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	170.944.995.177	-	199.774.568.935	-
- NVL nhập khẩu	17.801.210.520	-	54.380.609.250	-
- NVL trong nước	2.907.720.419	-	3.402.231.475	-
- Bán thành phẩm	144.484.445.126	(13.527.861.126)	135.491.104.945	(12.682.369.806)
- Vật liệu phụ, bao bì	5.751.619.112	-	6.500.623.265	-
Công cụ dụng cụ	3.099.176.335	-	3.073.702.931	-
Chi phí sản xuất dở dang	32.376.347	-	1.816.718.961	-
Thành phẩm trong nước	21.491.274.179	(2.524.842.923)	22.433.648.691	(2.524.842.923)
Hàng hóa	47.088.167	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>195.614.910.205</b>	<b>(16.052.704.049)</b>	<b>227.098.639.518</b>	<b>(15.207.212.729)</b>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2020	43.718.683.540	67.412.731.844	7.734.556.758	1.854.278.087	120.720.250.229
Tăng trong năm	-	1.094.227.600	-	-	1.094.227.600
Tại ngày 31/12/2020	43.718.683.540	68.506.959.444	7.734.556.758	1.854.278.087	121.814.477.829
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2020	30.999.335.229	62.027.748.722	6.701.969.257	1.852.372.570	101.581.425.778
Khấu hao	1.641.833.892	98.207.166	232.280.820	1.905.517	1.974.227.395
Tại ngày 31/12/2020	32.641.169.121	62.125.955.888	6.934.250.077	1.854.278.087	103.555.653.173
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2020	12.719.348.311	5.384.983.122	1.032.587.501	1.905.517	19.138.824.451
Tại ngày 31/12/2020	11.077.514.419	6.381.003.556	800.306.681	-	18.258.824.656

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 61.765.552.631 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 16 trang 26 đã được mua bảo hiểm theo hợp đồng với Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Tp. Hồ Chí Minh ngày 12/05/2020. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/05/2020 đến ngày 12/05/2021).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Nhãn hiệu hàng hóa <u>VNĐ</u>	Quyền sử dụng đất <u>VNĐ</u>	Phần mềm <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2020	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	<u>5.712.920.000</u>	<u>9.284.870.893</u>	<u>213.087.600</u>	<u>15.210.878.493</u>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2020	4.854.808.066	848.970.135	190.087.590	5.893.865.791
Khấu hao	285.645.996	286.422.756	23.000.010	595.068.762
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	<u>5.140.454.062</u>	<u>1.135.392.891</u>	<u>213.087.600</u>	<u>6.488.934.553</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2020	<u>858.111.934</u>	<u>8.435.900.758</u>	<u>23.000.010</u>	<u>9.317.012.702</u>
Tại ngày 31/12/2020	<u>572.465.938</u>	<u>8.149.478.002</u>	<u>-</u>	<u>8.721.943.940</u>

Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất) là quyền sử dụng đất có thời hạn theo giấy chứng nhận số CI 545614 cấp ngày 21/06/2017 tại địa chỉ lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 20.802 m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đến tháng 9/2049.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2020 <u>VNĐ</u>	01/01/2020 <u>VNĐ</u>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>144.154.516</i>	<i>59.965.334</i>
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	144.154.516	59.965.334
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>1.068.618.301</i>	<i>2.154.139.957</i>
Trả trước chi phí xây dựng vùng nuôi	1.068.618.301	2.154.139.957
<b>Cộng</b>	<u><b>1.212.772.817</b></u>	<u><b>2.154.139.957</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
- Ocea Trading Co., Ltd	409.170.875	4.142.820.217
- Tai Foong USA	6.258.475.670	6.259.823.608
- Nichiyo Trading Co. Ltd.	40.338.616	2.535.849.466
- UTIC Co., Ltd	128.293.983	1.592.819.554
- Ze Hui Co., Ltd	38.601.202.764	50.515.618.286
- Tsujino & Co., Ltd	-	7.359.161.272
- Các khoản phải trả người bán khác	9.150.910.496	12.685.564.394
<b>Phải trả bên liên quan</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>54.588.392.404</u></u>	<u><u>85.091.656.797</u></u>

Nợ quá hạn chưa thanh toán: Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Utic Co., Ltd	174.975.591	540.489.201
- Các khoản trả trước khác	1.144.492.225	1.381.537.675
<b>Cộng</b>	<u><u>1.319.467.816</u></u>	<u><u>1.922.026.876</u></u>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp/khấu trừ	31/12/2020
	Số phải nộp			Số phải nộp
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	-	443.259.195	443.259.195	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		404.030.752	404.030.752	
Thuế XNK	-	21.409.990	4.745.590	16.664.400
Thuế TNCN	23.644.319	221.620.820	202.266.533	42.998.606
Thuế khác	428.576.574	3.000.000	3.000.000	428.576.574
<b>Cộng</b>	<u><u>452.220.893</u></u>	<u><u>1.093.320.757</u></u>	<u><u>1.057.302.070</u></u>	<u><u>488.239.580</u></u>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay phải trả	725.000.000	600.000.000
Chi phí phải trả khác	60.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u><u>785.000.000</u></u>	<u><u>600.000.000</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/L, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
<b>15.1 Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>7.511.495.088</b>	<b>4.039.297.494</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.012.017.091	488.179.676
Kinh phí công đoàn	1.958.121.263	1.838.292.219
Tiền thưởng sản lượng	845.849.602	112.399.606
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả khác	3.645.507.132	1.550.425.993
<b>15.2 Phải trả khác dài hạn (*)</b>	<b>45.864.214.514</b>	<b>45.851.807.764</b>
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	31.747.168.139	31.747.168.139
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu	3.010.000.000	3.010.000.000
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	11.107.046.375	11.094.639.625
<b>Cộng</b>	<b>53.375.709.602</b>	<b>49.891.105.258</b>

(\*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là khoản phải trả (các bên liên quan) tiền mượn vốn kinh doanh tạm thời, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

**16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

		01/01/2020	Trong năm		31/12/2020
		Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<b>Vay ngắn hạn</b>		<b>47.402.007.032</b>	<b>44.138.498.977</b>	<b>60.031.380.164</b>	<b>31.509.125.845</b>
- NH VCBank	<b>16.1</b>	45.209.770.562	38.124.024.172	57.244.668.889	26.089.125.845
+ Vay VND		25.440.714.656	29.044.236.249	33.526.628.329	20.958.322.576
+ Vay USD		19.769.055.906	9.079.787.923	23.718.040.560	5.130.803.269
- NH VPBank		2.112.236.470	-	2.112.236.470	-
+ Vay VND		2.112.236.470	-	2.112.236.470	-
- Các khoản vay cá nhân	<b>16.2</b>	80.000.000	6.014.474.805	674.474.805	5.420.000.000
+ Nguyễn T Kim Thu		-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
+ Nguyễn T Kim Thủy		80.000.000	1.120.000.000	80.000.000	1.120.000.000
+ Nguyễn T Kim Xuân		-	500.000.000	-	500.000.000
+ Nguyễn Hoàng Ngọc Trang		-	1.800.000.000	-	1.800.000.000
+ Cá nhân khác		-	594.474.805	594.474.805	-
- Nợ đến hạn trả		-	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>16.3</b>	<b>6.220.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>87.414.830</b>	<b>12.132.585.170</b>
- Nguyễn Thị Kim Xuân		4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
- Nguyễn Thị Kim Thu		2.220.000.000	-	-	2.220.000.000
- Nguyễn Hoàng Ngọc Trang		-	6.000.000.000	87.414.830	5.912.585.170
<b>Cộng</b>		<b>53.622.007.032</b>	<b>50.138.498.977</b>	<b>60.118.794.994</b>	<b>43.641.711.015</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

(16.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp tín dụng số 0095/1938/N-KD ngày 05/09/2020 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0095/1838/N-CTD ký ngày 05/09/2020. Hạn mức tín dụng tại ngày 29/10/2021 là 30 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 bao gồm 20.958.322.576 đồng và 221.250,68 USD.

Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0619/1938/TCDN2 ngày 05/09/2019, bao gồm: Các công trình phụ trợ ngoài phạm vi công trình chính, tài sản gắn liền với đất khác theo hồ sơ công trình thuộc sở hữu của bên thế chấp được xây dựng, tạo lập trên thửa đất số 76, tờ bản đồ số 1 với tổng diện tích 20.802,0m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đến 30/09/2049 tại lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh (tổng diện tích 14.593,90 m<sup>2</sup>).

(16.2) Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 3 đến 9 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất 150% \* lãi suất cơ bản của ngân hàng Việt Nam theo từng thời điểm vay.

(16.3) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 160 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất vay được thỏa thuận theo từng thời điểm cụ thể.

**17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	01/01/2020	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	31/12/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Quỹ khen thưởng	4.043.033.418	-	25.500.000	4.017.533.418
Quỹ phúc lợi	2.068.538.598	-	217.947.861	1.850.590.737
<b>Cộng</b>	<b>6.111.572.016</b>	<b>-</b>	<b>243.447.861</b>	<b>5.868.124.155</b>

**18. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
01/01/2019	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(71.689.773.565)	101.757.501.903
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	(10.077.069.487)	(10.077.069.487)
Trích quỹ	-	-	-	-	-
Chi cổ tức	-	-	-	-	-
01/01/2020	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(81.766.843.052)	91.680.432.416
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	(5.131.504.936)	(5.131.504.936)
Trích quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
31/12/2020	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(86.898.347.988)	86.548.927.480

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**18.2. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.807.000	86.800.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****19.1. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020	01/01/2020
Dollar Mỹ (USD)	501,65	4.281,36
Euro (EUR)	324,59	324,59

**19.2. Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
HYL International	1.055.093.543	1.055.093.543
Công ty Biển Sáng	418.109.438	418.109.438
World Foods Co. Ltd.	177.046.800	177.046.800
IGLO GMBH	16.275.659	16.275.659
Nguyễn Văn Hiền	27.065.700	27.065.700
Golden sea	402.022.575	-
ICF US	462.491.763	-
Golden Harvest Seafood Corporation	985.076.659	-
Dragon sourcing	9.087.663.520	-
<b>Cộng</b>	<b>12.630.845.657</b>	<b>1.693.591.140</b>

*Nguyên nhân xóa sổ nợ khó đòi:* Khách hàng đã thay đổi địa điểm trụ sở và khách hàng được xác định là không có khả năng thanh toán nợ.

**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu xuất khẩu	96.128.548.073	107.556.226.971
Doanh thu bán hàng nội địa	2.945.394.089	2.917.199.224
Doanh thu khác	3.743.325.085	8.282.893.060
	<u>102.817.267.247</u>	<u>118.756.319.255</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Hàng bán bị trả lại	1.863.114.997	112.176.000
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<u>100.954.152.250</u>	<u>118.644.143.255</u>

**Chi tiết doanh thu như sau:**

	<u>USD</u>	<u>VNĐ</u>	<u>Quy ra VNĐ</u>
Doanh thu xuất khẩu	4.152.170,67	-	96.128.548.073
Doanh thu bán hàng nội địa	-	2.945.394.089	2.945.394.089
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.743.325.085	3.743.325.085
<b>Cộng</b>	<u>4.152.170,67</u>	<u>6.688.719.174</u>	<u>102.817.267.247</u>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	87.760.805.797	105.272.295.748
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	845.491.320	(1.749.184.189)
<b>Cộng</b>	<u>88.606.297.117</u>	<u>103.523.111.559</u>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	318.590	836.553
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	832.192.648	325.036.015
<b>Cộng</b>	<u>832.511.238</u>	<u>325.872.568</u>

**4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay ngân hàng	2.645.197.962	3.202.338.704
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư	434.476.663	(15.310.386)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	557.808.283	122.064.327
<b>Cộng</b>	<u>3.637.482.908</u>	<u>3.309.092.645</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	753.450.480	1.434.575.466
Chi phí vận chuyển	1.816.923.684	3.434.851.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.275.035	226.529.833
Chi phí bằng tiền khác	133.767.056	808.491.557
<b>Cộng</b>	<b><u>2.824.416.255</u></b>	<b><u>5.904.448.507</u></b>

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nhân viên quản lý	9.199.217.990	9.702.090.946
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	36.274.374	122.667.627
Chi phí khấu hao TSCĐ	312.246.006	339.088.452
Chi phí dự phòng/hoàn nhập phải thu khó đòi	617.290.278	4.171.055.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.264.623.791	1.185.226.271
Chi phí bằng tiền khác	139.494.325	459.233.209
<b>Cộng</b>	<b><u>12.569.146.764</u></b>	<b><u>15.979.362.285</u></b>

**7. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản thu:		
Thu từ bán phế liệu	-	138.212.245
Xử lý các khoản công nợ tồn đọng	824.878.334	-
Các khoản thu nhập khác	16.712.585	7.693.000
<b>Cộng</b>	<b><u>841.590.919</u></b>	<b><u>145.905.245</u></b>
Các khoản chi :		
Các khoản phạt chậm nộp, vi phạm hành chính	-	419.605.764
Các khoản chi phí khác	122.416.299	57.369.795
<b>Cộng</b>	<b><u>122.416.299</u></b>	<b><u>476.975.559</u></b>
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác</b>	<b><u>719.174.620</u></b>	<b><u>(331.070.314)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lỗ trước thuế	(5.131.504.936)	(10.077.069.487)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	122.416.299	419.605.764
a) Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	122.416.299	419.605.764
b) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán		
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(5.009.088.637)</b>	<b>(9.657.463.723)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.131.504.936)	(10.077.069.487)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông	(5.131.504.936)	(10.077.069.487)
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.807.000	12.807.000
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần</b>	<b>(401)</b>	<b>(787)</b>

**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nguyên vật liệu	155.989.222.355	181.987.511.437
Chi phí nhân công	22.759.064.871	30.070.410.222
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.572.495.435	2.629.410.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.007.486.393	15.240.962.200
Chi phí khác	273.761.381	1.267.724.766
<b>Cộng</b>	<b>192.602.030.435</b>	<b>231.196.019.136</b>

**11. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với bên liên quan như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	USD 71.212,00	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu/phải trả đối với các bên liên Quan như sau:

		31/12/2020	01/01/2020
<b>Nợ phải thu</b>			
Incomfish US	USD	-	4.539,80
<b>Nợ phải trả</b>			
Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	VNĐ	12.227.046.375	11.174.639.625
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	VNĐ	36.247.168.139	35.747.168.139
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	VNĐ	7.230.000.000	5.230.000.000

**IV. THÔNG TIN KHÁC****1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi nhuận thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền -	56.484.536	221.127.175
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.978.216.019	28.856.727.742
Các khoản đầu tư ngắn và dài hạn	20.964.838.264	21.399.314.927
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.999.538.819</b>	<b>50.477.169.844</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	43.641.711.015	53.622.007.032
Phải trả người bán và phải trả khác	107.964.102.006	134.982.762.055
Chi phí phải trả	785.000.000	600.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>152.390.813.021</b>	<b>189.204.769.087</b>

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

#### **Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### **Quản lý rủi ro về giá**

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

#### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### **- Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

#### **- Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị**

Giá trị ghi sổ của các khoản tài sản tài chính được xác định là có suy giảm giá trị đã được trích lập dự phòng theo đúng quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>Dưới 01 năm VNĐ</b>	<b>Từ 01 - 05 năm VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>			
Các khoản vay	31.509.125.845	12.132.585.170	43.641.711.015
Phải trả người bán và phải trả khác	62.099.887.492	45.864.214.514	107.964.102.006
Chi phí phải trả	785.000.000	-	785.000.000
<b>Cộng</b>	<b>94.394.013.337</b>	<b>57.996.799.684</b>	<b>152.390.813.021</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>			
Các khoản vay	47.402.007.032	6.220.000.000	53.622.007.032
Phải trả người bán và phải trả khác	89.130.954.291	45.851.807.764	134.982.762.055
Chi phí phải trả	600.000.000	-	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>137.132.961.323</b>	<b>52.071.807.764</b>	<b>189.204.769.087</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.484.536	-	56.484.536
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.801.314.019	-	10.801.314.019
Đầu tư ngắn và dài hạn	139.627.800	20.825.210.464	20.964.838.264
<b>Cộng</b>	<b>10.997.426.355</b>	<b>20.825.210.464</b>	<b>31.822.636.819</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	221.127.175	-	221.127.175
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.906.692.677	457.850.547	16.364.543.224
Đầu tư ngắn và dài hạn	129.715.950	21.269.598.977	21.399.314.927
<b>Cộng</b>	<b>16.257.535.802</b>	<b>21.727.449.524</b>	<b>37.984.985.326</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

### 2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

### 3. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

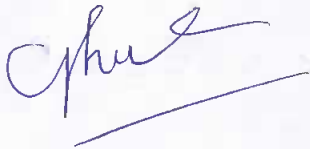
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, Hội đồng quản trị Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

### 5. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



**PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG**  
Người lập  
Ngày 19 tháng 01 năm 2021



**PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG**  
Quyền Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ KIM XUÂN**  
Người đại diện pháp luật